ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN LỊCH SỬ 10

Câu 1. Bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta có tên gọi là gì? Do ai ban hành?

A.Quốc triều hình luật - Lê Thánh Tông ban hành.

B. Hình Thư - Lý Thánh Tông ban hành.

C.Hoàng triều luật lệ- Lý Thánh Tông ban hành.

D.Luật Hồng Đức - Lê Thánh Tông ban hành.

Câu 2: Quân đội dưới thời Lý, Trần được tuyển chọn theo chế độ nào?

A.Theo chế độ "Ngụ binh ư nông". B. Theo chế độ "Ngu nông ư binh".

C. Theo chế độ tuyển mộ binh sĩ. D. Theo chế độ “Nghĩa vụ quân sự”.

Câu 3. Chính sách đối ngoại của Đại Việt từ thế kỷ XI – XV với Lào, Champa, Chân Lạp là

A. phục tùng. B. thần phục.

C. quan hệ thân thiện. D. đóng cửa, hạn chế.

Câu 4. Nhà nước phong kiến ở các thế kỷ XI – XV được phát triển và hoàn chỉnh dưới các triều đại nào?

A. Lý, Trần. B. Lý, Trần, Hồ.

C. Lý, Trần, Lê sơ. D. Lý, Trần, Hồ, Lê sơ.

Câu 5. Tể tướng và đại thần là hai chức quan dưới các triều đại nào từ thế kỷ XI – XV?

A. Lý, Trần. B. Lý, Trần, Hồ.

C. Lý, Trần, Lê sơ. D. Lý, Trần, Hồ, Lê sơ.

Câu 6. Cuộc cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông đã chia cả nước thành

A. 10 đạo thừa tuyên. B. các lộ, trấn .

C. 13 đạo thừa tuyên. D. 30 tỉnh và 1 phủ.

Câu 7. Bộ luật Quốc triều hình luật có tên gọi khác là gì?

A. Hình luật. B. Hình Thư.

C. Luật Hồng Đức. D. Luật Gia long.

Câu 8. Quốc hiệu Đại Cồ Việt có ý nghĩa gì?

A.Tự tôn, bình đẳng với nước lớn làng giềng. B. Mong muốn mãi mãi trường tồn.

C. Khẳng định chủ quyền quốc gia. D. Bình đẳng với nước lớn.

Câu 9. Nội dung nào sau đây *không* phải là chính sách đối nội của Đại Việt từ thế kỷ XI – XV?

A. Chú trọng bảo vệ an ninh đất nước.

B. Chăm lo đời sống nhân dân.

C. Đoàn kết với dân tộc ít người.

D.Bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị.

Câu 10. Quốc hiệu Đại Việt có ý nghĩa gì?

A. Khẳng định thế nước đã vững vàng, có đủ khả năng bảo vệ đất nước, cổ vũ niềm tự hào dân tộc.

B. Mong muốn mãi mãi trường tồn, tự tôn, bình đẳng với nước lớn làng giềng.

C. Khẳng định chủ quyền quốc gia, thế nước đã vững vàng.

D. Bình đẳng với nước lớn, cổ vũ niềm tự hào dân tộc.

Câu 11. Chế độ “ ngụ binh ư nông” nói lên điều gì?

A. Vừa đảm bảo phát triển sản xuất, vừa bảo vệ đất nước.

B. Nhằm bảo vệ đất nước.

C. Để bảo vệ nhà vua.

D. Quân đội quy củ.

Câu 12. Luật Hồng Đức ra đời nhằm mục đích gì?

A. Bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị.

B, Bảo vệ một số quyền lợi của nhân dân.

C. Bảo vệ quyền lợi của giai cấp thống trị, một số quyền lợi của nhân dân.

D. Bảo vệ quyền lợi giai cấp thống trị, một số quyền lợi nhân dân, an ninh đất nước.

Câu 13. Đỉnh cao của nền văn minh Đại Việt ở dưới triều đại nào từ thế kỷ XI- XV?

A. Nhà Lý. B. Nhà Trần. C Nhà Lê sơ. D. Nhà Hồ.

Câu 14. Việc bãi bỏ chức tể tướng và đại hành khiển của vua Lê Thánh Tông nói lên điều gì?

A. Nhằm tăng quyền lực tuyệt đối cho vua.

B. Để dể dàng quản lý đất nước.

C. Xây dựng chế độ quan liêu.

D. Bảo vệ quyền lực của vua.

Câu 15. Chức quan chăm lo việc đắp đê thời Trần là

A. Hà đê sứ. B. Quốc công. C. Tể tướng. D. Thái úy.

Câu 16. Ruộng đất công làng xã thời Lê được phân chia theo chế độ:

A. quân xưởng. B. quan xưởng.

C. quân điền. D. đồn điền.

Câu 17. Người chế tạo ra súng thần cơ thế kỉ XV là

A. Hồ Quý Ly. B. Hồ Nguyên Trừng.

C. Hồ Hán Thương. D. Nguyễn Trãi.

Câu 18. Các xưởng thủ công do nhà nước tổ chức và quản lí trong các thế kỉ XI - XV là

A. đồn điền. B. quan xưởng.

C. quân xưởng. D. Quốc tử giám.

Câu 19. Ở phía Bắc có các làng gốm sứ cổ truyền trong các thế kỉ X -XV là

A. Huê Cầu, Bát Tràng, Vân Nội.

B. Bát Tràng, Chu Đậu, Thổ Hà.

C. Nội Duệ, Đa Ngưu, Đông Hồ.

D. Bát Tràng, Hương Canh, Huê Cầu.

Câu 20: Đô thị lớn ở nước ta trong các thế kỉ XI - XV là

A. Phố Hiến. B. Hội An. C. Thăng Long. D. Vân Đồn.

Câu 21. Những nghề thủ công cổ truyền của nước Đại Việt là

A. đúc đồng, rèn sắt, gốm, dệt.

B. đúc đồng, tranh sơn mài, gốm, dệt.

C. làm đường trắng, rèn sắt, gốm, dệt.

D. đúc đồng, rèn sắt, gốm, làm thủy tinh.

Câu 22. Triều đại phong kiến nào đã chủ trương hạn chế và kiểm soát chặt chẽ việc buôn bán với nước ngoài?

A. Triều Tiền Lê. B. Triều Lý.

C. Triều Trần. D. Triều Lê sơ.

Câu 23

Cho các dữ liệu sau:

Hàm Tử

Sông Bạch Đằng

Đống Đa

Đông Bộ Đầu

Đâu là những chiến thắng tiêu biểu trong 3 cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông-Nguyên?

1,2,3 B.1,2,4 C.2,3,4 D.1,3,4

Câu 24. Trong các thế kỉ X- XV, nhà nước và nhân dân ta đã tiến hành những việc làm nào để mở rộng và phát triển nông nghiệp?

A. Khai hoang, đắp đê, chia ruộng, bảo vệ sức kéo trâu bò.

B. Khai hoang, đắp đê, bảo vệ sức kéo trâu bò, chọn giống.

C. Khai hoang, đắp đê, bảo vệ sức kéo trâu bò, cải tiến công cụ.

D. Khai hoang, đắp đê, bảo vệ sức kéo trâu bò, chọn giống, cải tiến công cụ.

Câu 25. Mục đích của phép "quân điền" trong lĩnh vực nông nghiệp là

A. hạn chế ruộng đất tư của các quý tộc, địa chủ.

B. nhằm phát triển nông nghiệp, mở mang thủy lợi.

C. đảm bảo thực hiện quyền lợi cho nông dân, người cày có ruộng.

D. đảm bảo cho quá trình sản xuất nông nghiệp, đẩy mạnh công tác khai hoang.

Câu 26. Năm 1149, nhà Lý cho lập trang Vân Đồn (Quảng Ninh) để làm gì?

A. Làm căn cứ quân sự chống ngoại xâm.

B. Làm cơ sở sản xuất các mặt hàng thủ công.

C. Làm vùng hải cảng để trao đổi hàng hóa với Ấn Độ.

D. Làm vùng hải cảng để trao đổi hàng hóa với nước ngoài.

Câu 27. Các triều đại phong kiến nước ta lập ra các Quan xưởng, nhằm:

A. đúc tiền, vũ khí, đóng thuyền chiến, may mũ áo cho vua quan.

B. đúc tiền, làm gốm sứ, đóng thuyền chiến, may mũ áo cho vua quan.

C. đúc tiền, vũ khí, làm tơ lụa, đồng hồ, may mũ áo cho vua quan.

D. đúc tiền, vũ khí, đóng thuyền chiến, làm tranh sơn mài, làm đường trắng.

Câu 28. Biểu hiện sự phát triển vượt bậc của thủ công nghiệp trong các thế kỉ X - XV là

A. hệ thống chợ làng phát triển.

B. sự phong phú của các mặt hàng mỹ nghệ.

C. sự ra đời của đô thị Thăng Long.

D. sự hình thành các làng nghề thủ công truyền thống

Câu 29. Tại sao nông nghiệp nước ta ở thời kì Lý - Trần - Lê sơ phát triển hơn ở các triều đại trước?

A.Nhà nước đặt phép "quân điền", quan tâm đến thủy lợi.

B. Nhân dân tích cực sản xuất, chính sách tích cực của nhà nước, đất nước hòa bình.

C. Nhân dân ta ra sức sản xuất, khai hoang và đất nước hòa bình, thống nhất.

D. Sức kéo của trâu bò được đảm bảo, nhà nước quan tâm đến sản xuất nông nghiệp.

Câu 30. Hiểu như thế nào về phép "quân điền" trong lĩnh vực nông nghiệp?

A. Ruộng đất được chia đều cho quân lính sản xuất.

B. Ruộng đất được chia đều cho những Tướng lĩnh trong quân đội.

C. Ruộng đất công được cấp cho các số hộ nông dân để sản xuất.

D. Ruộng đất được cấp cho các chùa chiền, tăng lữ.

Câu 31. Điểm khác về sự phát triển nông nghiệp nước ta trong các thế kỉ X - XV so với thời Bắc thuộc?

A. Nông nghiệp trồng lúa phát triển, thủy lợi mở mang.

B. Nông nghiệp phát triển, công cụ sắt được sử dụng phổ biến.

C. Khai hoang, mở rộng diện tích, công trình thủy lợi mở mang.

D. Nông nghiệp có sự phát triển toàn diện, năng suất cao.

Câu 32. Tình hình ngoại thương nước ta thời Lê sơ như thế nào so với thời Lý - Trần?

A. Phát triển vượt bậc.

B. Phát triển hơn nhưng chủ yếu vẫn trao đổi với các nước láng giềng.

C. Chậm phát triển do chính sách hạn chế ngoại thương của nhà nước.

D. Ngoại thương có sự hạn chế, chỉ trao đổi ở một số bến cảng với một số nước.

Câu 33. Trong hoàn cảnh nhà Lê sơ bị khủng hoảng và suy sụp, Thái phó Mạc Đăng Dung đã làm gì?

A. Giết vua Lê để dẹp loạn.

B. Phế truất vua Lê, lập ra nhà Mạc.

C. Đem quân đi dẹp các thế lực phong kiến nổi loạn.

D. Lấy ruộng đất của quan lại, địa chủ trả lại cho nhân dân.

Câu 34 Chiến tranh Nam – Bắc triều là cuộc chiến tranh giữa hai tập đoàn phong kiến

A. Mạc – Lê. B. Mạc – Nguyễn.

C. Nguyễn – Trịnh. D. Trịnh – Lê.

Câu 35. Kết quả cuộc chiến tranh Trịnh – Nguyễn là

A. không phân thắng bại, hai bên giảng hòa.

B. lúc đầu họ Trịnh thắng, lúc sau bị thua.

C. họ Trịnh thắng.

D. họ Nguyễn thắng.

Câu 36. Đầu thế kỉ XVI triều Lê sơ suy sụp vì

A. các vua Lê không còn quan tâm đến việc triều chính.

B. quân Minh đem quân sang xâm lược.

C. quan lại tranh giành quyền hành.

D. nhà Mạc nổi dậy chống đối.

Câu 37. Nhà Mạc không còn sự tin tưởng của nhân dân vì

A. thần phục quân Minh. B. không quan tâm đến nhân dân.

C. không quan tâm đến triều chính. D. đánh dẹp các lực lượng nổi dậy.

Câu 38. Chính sách nào dưới đây là hạn chế của triều Mạc?

A. Đáp ứng nhiều chính sách vô lí của nhà Minh.

B. Tổ chức lại bộ máy quan lại.

C. Tăng cường thế lực của họ Mạc.

D. Tiêu diệt các phe phái phong kiến.

Câu 39. Chiến tranh Trịnh – Nguyễn ở thế kỉ XVII đã đem đến kết quả gì?

A. Đất nước bị chia cắt. B. Hình thành thế lực phong kiến mới.

C. Đất nước được thống nhất. D.Triều đại mới được thành lập.

Câu 40. Nguyên nhân nào dưới đây dẫn đến sự suy thoái của nông nghiệp nước ta trong các thế kỉ XV – XVI?

A. Do nhà nước không quan tâm đến sản xuất.

B. Do quan lại ra sức chiếm đoạt ruộng đất.

C. Do nông dân liên tục nổi dậy đấu tranh.

D. Do mất mùa, đói kém xẩy ra liên miên.

Câu 41: Điểm nổi bật của tình hình nông nghiệp nước ta trong các thế kỉ XVI – XVII?

A. Ruộng đất ngày càng tập trung vào tay giai cấp địa chủ phong kiến.

B. Diện tích canh tác được mở rộng cả ở Đàng trong lẫn Đàng ngoài.

C. Nhà nước và nhân dân đẩy mạnh khai hoang mở rộng diện tích.

D. Kinh nghiệm “nước, phân, cần, giống” được đúc kết.

Câu 42: Những nghề thủ công cổ truyền nào của nước ta sau đây được phát triển và đạt trình độ cao trong các thế kỉ XVI – XVIII?

A. Gốm sứ, dệt vải, làm giấy, làm đồ trang sức, rèn sắt, đúc đồng.

B. Gốm sứ, dệt vải, làm giấy, làm đồ trang sức, rèn sắt, in khắc bản gỗ.

C. Gốm sứ, dệt vải, làm giấy, làm đồ trang sức, làm đường trắng, đúc đồng.

D. Gốm sứ, dệt vải, làm tranh sơn mài, làm đồ trang sức, rèn sắt, đúc đồng.

Câu 44: Trong các thế kỉ XVI – XVIII một số nghề thủ công mới xuất hiện. Đó là những nghề nào?

A. In khắc bản gỗ, làm đường trắng, làm tranh sơn mài, làm đồng hồ.

B. In khắc bản gỗ, làm đường trắng, làm đồ trang sức, làm đồng hồ.

C. In khắc bản gỗ, Gốm sứ, dệt vải, làm tranh sơn mài, làm đồng hồ.

D. In khắc bản gỗ, làm đường trắng, làm tranh sơn mài, rèn sắt, đúc đồng.

Câu 45: Biểu hiện nào sau đây không phản ánh đúng sự phát triển của nội thương nước ta trong các thế kỉ XI – XVIII?

A. Nhiều thương nhân nước ngoài đến xin lập phố xá.

B. Chợ làng, chợ huyện, chợ phủ mọc lên khắp nơi.

C. Xuất hiện nhiều làng buôn và trung tâm buôn bán.

D. Nhà nước lập nhiều trạm dịch để thu thuế.

Câu 46: Biểu hiện nào sau đây không phản ánh đúng sự phát triển của ngọai thương nước ta trong các thế kỉ XI – XVIII?

A. Xuất hiện nhiều làng buôn và trung tâm buôn bán.

B. Nhiều thương nhân nước ngoài đến xin lập phố xá.

C. Thuyền buôn nước ngoài đến nước ta ngày càng nhiều.

D. Bên cạnh thương nhân Nhật còn có thương nhân Anh, Pháp.

Câu 47. Sự hưng khởi của các đô thị nước ta trong các thế kỉ XI – XVIII do

A. sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa.

B. nhiều thương nhân nước ngoài đến buôn bán.

C. chợ làng, chợ huyện, chợ phủ mọc lên khắp nơi.

D. xuất hiện nhiều đô thị lớn như Thăng Long, Phố Hiến.

Câu 48. “Thành phố đó lớn lắm, đến nỗi người ta có thể nói nó có hai thị trấn, một của người Trung Quốc và một của người Nhật Bản.” (Tường trình về vương quốc Đàng Trong)

Nội dung trên nói đến thành phố nào của nước ta trong các thế kỉ XVII – XVIII?

A. Hội An. B. Phố Hiến. C. Thanh Hà. D. Kẻ Chợ.

Câu 49. Nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của ngoại thương ở nước ta trong các thế kỉ XVI – XVIII?

A. Do chính sách mở cửa của chính quyền Trịnh – Nguyễn.

B. Do chính sách mở cửa của chính quyền Lê - Trịnh.

C. Do chính sách mở cửa của chính quyền Lê – Nguyễn.

D. Do chính sách mở cửa của chính quyền nhà Nguyễn.

Câu 50. Ngoại thương phát triển có tác dụng gì đối với nền kinh tế nước ta?

A. Thúc đẩy thủ công và thương nghiệp phát triển.

B. Giúp cho việc mở rộng buôn bán với nhiều nước.

C. Tạo điều kiện việc làm cho thợ thủ công và thương nhân.

D. Làm cho hang hóa trên thị trường phong phú, đa dạng.

Câu 51. Ý nào sau đây không thể hiện sự phát triển của các đô thi ở nước ta trong các thế kỉ XVI – XVII?

A. Nhiều đô thị mới hình thành ở miền Bắc và miền Nam.

B. Thăng Long và Phố Hiến là hai đô thị sầm uất nhất miền Bắc.

C. Thanh Hà là đô thị mới được người đương thời đánh giá “Đại Minh khách phố”.

D. Sự phát triển của nền kinh tế hang hóa đã tạo điều kiện cho các đô thị hung khởi.

Câu 52. Vào cuối thế kỉ XVIII, chế độ phong kiến ở Đàng Ngoài cũng như Đàng Trong bước vào giai đoạn

A.khủng hoảng sâu sắc B.từng bước hoàn chỉnh

C.củng cố và phát triển D.phát triển mạnh mẽ

Câu5 3. Sau khi đánh đổ chính quyền chúa Nguyễn, nhiệm vụ mới tiếp theo được dặt ra cho phong trào Tây Sơn là:

A. vào Nam đánh tan quân Xiêm B.đại phá quân xâm lược Mãn Thanh

C.tổ chức lại giáo dục và thi cử D.ra Bắc đánh đổ chính quyền Lê – Trịnh

Câu 54. Điểm tiến bộ nổi bật trong chính sách giáo dục của Quang Trung là

A.chú trọng khoa học tự nhiên

B.đưa văn thơ chữ Hán vào nội dung thi cử

C.đưa văn thơ chữ Nôm vào nội dung thi cử

D.học tập theo giáo nền dục phương Tây

Câu 55. Sau khi đánh thắng quân Thanh, Quang Trung cho xây dựng vương triều mới, thống trị trên vùng đất từ

A. Thuận Hóa đến Thăng Long. B. Quy Nhơn đến Thuận Hóa.

C. Thuận Hóa trở ra Bắc. D. miền Bắc vào miền Nam.

Câu 56. Nguyên nhân nào dẫn đến tình cảnh cực khổ của nhân dân ta ở giữa thế kỉ XVIII?

A. Đất nước bị chia làm hai miền.

B. Chiến tranh Trịnh – Nguyễn diễn ra

C. Chế độ phong kiến khủng hoảng, suy yếu.

D. Chúa Nguyễn xưng vương, thành lập triều đình riêng.

Câu 57: Quân và dân Đại Việt dưới sự chỉ huy của Lý Thường Kiệt đã đánh bại 30 vạn quân Tống ở đâu?

A.Biên giới phía Bắc B.Thành Cổ Loa

C.Cửa sông Bạch Đằng D.Phòng tuyến sông Như Nguyệt

Câu 58: Chiến thắng Bạch Đằng (1288) có ý nghĩa như thế nào?

A.Đánh tan quân Mông- Nguyên giành độc lập hoàn toàn.

B.Đập tan mộng xâm lược của quân Mông- Nguyên.

C.Dập tắt mộng xâm lược Đại Việt của nhà Tống.

D.Đập tan mọi ý đồ xâm lược của các triều đại phong kiến phương Bắc.

Câu 59: Cho các dữ liệu:

1.Kháng chiến chống Tống thời Lý.

2.Kháng chiến chống thời Tiền Lê.

3.Khởi nghĩa Lam Sơn.

4.Kháng chiến chống quân Mông- Nguyên.

Sắp xếp theo thời gian diễn ra các sự kiện.

A.1,2,3,4 B.2,3,4,1 C.2,1,4,3 D.3,4,1,2.

Câu 60: Câu nói nổi tiếng: “Đầu thần chưa rơi xuống đất, xin bệ hạ đừng lo” là của ai?

A.Lý Thường Kiệt B.Trần Quốc Tuấn

C.Trần Nhật Duật D.Trần Thủ Độ

Câu 61: Những trận đánh tiêu biểu trong cuộc kháng chiến chống quân Mông-Nguyên là

A.Đông Bộ Đầu, Kiếp Bạc, Chi Lăng.

B.Chương Dương, Hàm Tử, Tây Kết, Vạn Kiếp, Bạch Đằng.

C.Tốt Động, Chúc Động, Chi Lăng, Xương Giang.

D.Ngọc Hồi, Đống Đa, Chương Dương, Hàm Tử.

Câu 62. Sách lược của nghĩa quân Lam Sơn trong cuộc đấu tranh chống quân Minh xâm lược là gì?

A.“Đánh nhanh thắng nhanh” B.“Vườn không nhà trống”

C.“Kết hợp quân sự với binh vận” D. Hòa đàm kết hợp đấu tranh quân sự.

Câu 63:Tinh thần chủ động đối phó với địch của quân dân nhà Lý thể hiện rõ trong chủ trương nào?

A.“vườn không nhà trống”

B.“Nhà nhà giết giặc, người người giết giặc”

C.“tiên phát chế nhân”

D.“kết hợp 3 thứ quân: cấm quân, ngoại binh, hương binh”

Câu 64: Kế sách được nhà Trần thực hiện nhuần nhuyễn trong cả 3 lần kháng chiến chống quân Mông- Nguyên là

A.“tiên phát chế nhân” B.“vườn không nhà trống”

C.“ngụ binh ư nông”. D.“lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”

Câu 65: “Đánh một trận sạch không kình ngạc

Đánh hai trận tan tác chim muông

Cơn gió to trút sạch lá khô

Tổ kiến hồng sụt tan đê vỡ”

Đoạn thơ trên nói về sức mạnh của

A. quân đội nhà Lý. B. nghĩa quân Lam Sơn.

C. nghĩa quân Tây Sơn. D. quân đội nhà Trần.

-----o0o-----